

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7 - 2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Linh Thị Ngọc Thạch

Ông Lại Quốc Tăng

Thư ký phiên tòa: Bà Biện Thị Uyên Nhi - Thư ký viên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Anh Đức – kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 184/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Mỹ U – sinh năm 2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Đ, xã X, thành phố Đ.

Số căn cước công dân: 075304011330, cấp ngày 06/09/2024

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn N – sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã X, thành phố Đ.

Số căn cước công dân: 075203014056, cấp ngày 12/11/2021

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Mỹ U trình bày:

Chị Lê Mỹ U và anh Vũ Văn N trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau từ năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2024, cấp ngày 05/01/2024 (nay là Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ).

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn để phụ chị nuôi con mà thường xuyên uống rượu, chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị nhiều lần động viên, khuyên can nhưng anh N không thay đổi mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay.

Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị U yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê An N1 - sinh ngày 28/5/2023, hiện đang sống chung cùng chị U. Chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Chị U trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn N vắng mặt không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án và cũng vắng mặt không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của anh N. Anh N cũng không cung cấp chứng cứ hay trình bày ý kiến của mình đối với các vấn đề về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Mỹ U được ly hôn với anh Vũ Văn N. Giao con chung là cháu Lê An N1 - sinh ngày 28/05/2023 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Mỹ U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Vũ Văn N được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, phiên tòa được tiến hành vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Lê Mỹ U trình bày sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn để phụ chị nuôi con mà thường xuyên uống rượu, chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mặc dù, chị U đã nhiều lần động viên, khuyên can nhưng anh N không thay đổi mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị U yêu cầu được ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N đến làm việc và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh N đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Điều đó cho thấy anh N không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân với chị U. Qua các tình tiết của vụ án nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị U và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận cho chị U được ly hôn với anh N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị U và anh N có 01 con chung là cháu Lê An N1 - sinh ngày 28/5/2023, hiện nay cháu đang do chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị U là phù hợp với quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên chấp nhận.

[4] Về nợ chung: Chị U khai vợ chồng không có nợ chung, còn anh N thì không có lời trình bày về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, anh N không có lời trình bày về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Lê Mỹ U phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Lê Mỹ U được ly hôn với anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê An N1 - sinh ngày 28/5/2023 cho chị Lê Mỹ U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Lê Mỹ U không yêu cầu anh Vũ Văn N cấp dưỡng cho con.

Anh Vũ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, chị Lê Mỹ U và anh Vũ Văn N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Chị Lê Mỹ U khai vợ chồng không có nợ chung, anh Vũ Văn N thì không có lời trình bày về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Mỹ U không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, anh Vũ Văn N không có lời trình bày về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Lê Mỹ U phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị Lê Mỹ U đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005534 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ) được tính trừ vào án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 6 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6 – Đồng Nai;
- UBND xã Xuân Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2024 ngày 05/01/2024 – UBND xã Xuân Hưng);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nguyệt